

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi
2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh D ở xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Bản thân chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được mà lại nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Anh D còn đến nhà chị xúc phạm cả gia đình chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015. Từ khi sống ly thân con chung do chị nuôi dưỡng, do con chung còn nhỏ nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị làm công nhân thu thập ổn định có đủ điều kiện chăm sóc con chung còn gia đình anh D hiện rất khó khăn không đủ điều kiện chăm sóc tốt con chung, bố anh D bị bệnh không đi lại được cần phải có người chăm sóc. Anh D yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn chị không chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, tại biên tự khai anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì cho đến tháng 8 năm 2018 chị C đã tự đưa con về bên ngoại ở cho đến nay. Anh cũng đã đến đón chị C về và tìm cách khắc phục nhưng vợ chồng không cải thiện được, hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh không nghiện ma túy và không có lời nói xúc phạm gia đình chị C như chị C trình bày. Nay chị C xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn thương yêu chị C.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị C có 01 con chung Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015. Ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm công nhân thu nhập 7.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt

tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn D theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh Duẩn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng, chị không còn thương yêu anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D còn anh D có quan điểm đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn thương yêu chị C. Tòa án đã báo anh D đến tham gia phiên hòa giải, tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Tuy nhiên, anh D đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn D đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh D là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn D có Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, từ khi ly thân con chung do chị C nuôi dưỡng, hiện tại con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, tài liệu xác minh nơi anh D sinh sống gia đình anh D cũng khó khăn bố bị bệnh phải nằm một chỗ gần 20 năm nay phải có người chăm sóc, anh D công việc không ổn định. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự. Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quan điểm yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn anh D đưa ra không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn D đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn D.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004222 ngày 10 tháng 5 năm 2019) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tổ tụng;
 - Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

Trương Minh Huế

